



Một số điểm mới về tiêu chí môi trường, ĐMC, ĐTM sơ bộ, ĐTM của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật



Nội dung

I. PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG

II. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ ĐMC, ĐTM SƠ BỘ, ĐTM

Luật BVMT 2020

- Điều 25. Đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược
- Điều 26. Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược
- Điều 27. Nội dung đánh giá môi trường chiến lược
- Điều 28. Tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư
- Điều 29. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường
- Điều 30. Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường
- Điều 31. Thực hiện đánh giá tác động môi trường
- Điều 32. Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Điều 33. Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường
- Điều 34. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Điều 35. Thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Điều 36. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Điều 37. Trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Điều 38. Trách nhiệm của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Nghị định 08/2022/NĐ-CP

Điều 24. Danh mục chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược

Điều 25. Tiêu chí về môi trường và phân loại dự án đầu tư

Điều 26. Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường

Điều 27. Trách nhiệm của chủ dự án đầu tư trong quá trình hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi có văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung; chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án trước khi vận hành trong trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Phụ lục I. Danh mục chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược

Phụ lục II. Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường

Phụ lục III. Danh mục dự án đầu tư Nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường

Phụ lục IV. Danh mục các dự án đầu tư Nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, trừ dự án quy định tại Phụ lục 3 phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này

Phụ lục V. Danh mục các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, trừ dự án quy định tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này

I. PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

1.1. Tiêu chí môi trường:

Khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường quy định các tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư gồm:

- Quy mô, công suất, loại hình sản xuất;
- Diện tích sử dụng đất, quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản, giao khu vực biển.
- Yếu tố nhạy cảm về môi trường

Trên cơ sở này Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định cụ thể hơn, cụ thể:

1.1.1. Quy mô của Dự án

Quy mô Dự án (Quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP:

- Quy mô được phân loại theo **tiêu chí quy định** của pháp luật về đầu tư công, gồm dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, nhóm B và nhóm C.
- Quy mô diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước của dự án được phân thành 03 loại: lớn, trung bình và nhỏ. (>100 ha; 50-100 ha; <50 ha).
- Quy mô sử dụng khu vực biển được phân thành 02 nhóm theo thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển và giao khu vực biển để lán biển.
- Quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên được phân thành 02 nhóm theo thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác và sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước

Lưu ý về quy mô Dự án

Quy mô cần căn cứ phân loại Dự án theo tiêu chí pháp luật đầu tư công, tài nguyên biển, khoáng sản, tài nguyên nước.

- Phân loại Dự án đầu tư công được quy định tại Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành **Luật Đầu tư công** ngày 06/4/2020 của Chính phủ (cần rà soát theo quy định để xác định).

- Luật tài nguyên biển: Nhận chìm ngoài 6 hải lý thẩm quyền của Bộ TNMT.

- Luật khoáng sản, TN nước: Khoáng sản kim loại, nước cho thủy điện từ 2MW trở lên thẩm quyền của Bộ TNMT....

Quy định mới yêu cầu tham chiếu đến các pháp luật chuyên ngành có liên quan.

1.1.2. Công suất của Dự án

Công suất của Dự án **có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường** được chia thành 03 loại: lớn, trung bình, nhỏ (Phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP). Như vậy các Dự án không thuộc loại hình nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường **không** phân theo công suất lớn, trung bình, nhỏ.

- Nhiệt điện than: Từ 600 MW trở lên là lớn; dưới 600MW là trung bình, không có loại nhỏ.

1.1.3. Loại hình Dự án (Khoản 3 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP)

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP;
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác.

1.1.4. Diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển

Diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước: ≥ 100 ha: lớn; 50-100 ha: trung bình; < 50 ha: nhỏ.

Có sử dụng đất của khu bảo tồn; di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt; rừng phòng hộ, rừng tự nhiên

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất: đất lúa; khu bảo tồn; di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt; rừng phòng hộ, rừng tự nhiên

Lưu ý đối với sử dụng, chuyển đổi MĐSDĐ

- Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định cụ thể về 2 loại: **sử dụng** và **chuyển đổi** (sử dụng thì với diện tích lớn hơn so với diện tích chuyển đổi).
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai (≥ 10 ha: Thủ tướng; < 10 ha thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh).
- Quy định về chuyển đổi đất lúa theo thẩm quyền để đồng bộ hệ thống pháp luật.

1.1.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường

Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- a) Dự án **thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường** (Phụ lục II) nằm trong nội thành, nội thị của đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị;
- b) Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

1.1.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường (tiếp)

c) Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên; khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; vùng đất ngập nước quan trọng và di sản thiên nhiên khác được xác lập, công nhận theo quy định tại Nghị định này (*trừ các dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng, lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt*);

1.1.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường (tiếp)

d) Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng (*trừ các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, xây dựng công trình nhằm phục vụ việc quản lý, vệ sinh môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các dự án bảo trì, duy tu bảo đảm an toàn giao thông*);

1.1.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường (tiếp)

đ) Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai; dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng tự nhiên, rừng phòng hộ (*trừ các dự án phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phòng cháy chữa cháy rừng, lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt*);

e) Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng.

Lưu ý về yếu tố nhạy cảm

- Dự án ***thuộc Phụ lục II*** nằm trong ***nội thành, nội thị của đô thị*** theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị
- Chia thành 2 loại là ***sử dụng và chuyển đổi mục đích*** đối với khu bảo tồn, rừng tự nhiên.
- Đối với đất lúa chỉ áp dụng tiêu chí chuyển đổi mục đích.

1.2. Phân loại Dự án đầu tư nhóm I, II, III

- Căn cứ tiêu chí về môi trường, Dự án được chia thành 04 nhóm: I, II, III, IV; chi tiết nhóm I, II, III được quy định cụ thể tại Phụ lục III, IV, V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Việc xác định được Dự án đầu tư thuộc nhóm nào (I,II,III,IV) là hết sức quan trọng, vì căn cứ theo nhóm để xác định đối tượng và thẩm quyền thẩm định hồ sơ môi trường.

Lưu ý về phân loại Dự án

- Dự án nhóm I: Cần thực hiện ĐTM sơ bộ; ĐTM cấp Bộ; giấy phép môi trường (nếu có).
- Dự án nhóm II: Phải làm ĐTM (trừ các Dự án thuộc mục I Phụ lục IV); giấy phép môi trường (nếu có).
- Dự án nhóm III: Chỉ phải làm giấy phép môi trường (nếu có).
- Chỉ đăng ký môi trường (trừ các dự án không phát sinh chất thải hoặc phát sinh ít chất thải, dự án bí mật quốc phòng, an ninh (quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 49 Luật BVMT) hoặc thuộc đối tượng được miễn đăng ký môi trường theo quy định tại Phụ lục XVI Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

Lưu ý tiêu chí môi trường, phân loại Dự án đầu tư

- Có thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không? Nếu thuộc nhóm này cần lưu ý tiếp: thuộc nhóm công suất nào; có nằm trong nội thành, nội thị không? Có những yếu tố nhạy cảm về môi trường nào khác không?
- Nếu không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thì cần xem xét: Quy mô sử dụng đất, đất có mặt nước; dự án thuộc nhóm nào theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công; thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; thẩm quyền khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, giao khu vực biển; có những yếu tố nhạy cảm về môi trường nào.

II. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ ĐMC, ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, ĐTM

2.1. Về ĐMC:

- Đối tượng ĐMC giảm: Kế hoạch không phải ĐMC; quy hoạch, chiến lược không nhiều, cụ thể các đối tượng ĐMC như sau:
 - + Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có tác động lớn đến môi trường.
 - + Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch không gian biển quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia; quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh; quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có tác động lớn đến môi trường

ĐMC:

- Nội dung ĐMC của chiến lược và quy hoạch được điều chỉnh theo hướng thực chất hơn, cụ thể được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27 Luật BVMT 2020.
- Không thẩm định ĐMC riêng mà kết hợp với việc thẩm định chiến lược, quy hoạch để cải cách thủ tục hành chính, đồng thời kiểm soát được các vấn đề môi trường được xem xét, chỉnh sửa trong chiến lược, quy hoạch.

ĐMC:

Lưu ý:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về nội dung đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch (không còn có Hội đồng thẩm định riêng báo cáo ĐMC).

2.2. ĐTM sơ bộ:

- Thời điểm: trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng; báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- Đối tượng: dự án đầu tư nhóm I theo quy định (Là các Dự án thuộc Phụ lục 3 tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

Một số điểm mới về ĐTM sơ bộ

- Nội dung: Quy định cụ thể tại Khoản 3 Điều 29 Luật BVMT:
 - + Sự phù hợp của địa điểm thực hiện với quy hoạch BVMT, quy hoạch tỉnh, quy hoạch khác.
 - + Dự báo các tác động môi trường chính.
 - + Nhận diện yếu tố nhạy cảm về môi trường của khu vực thực hiện dự án

Một số điểm mới về ĐTM sơ bộ (tiếp)

- + Phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án về quy mô, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, địa điểm thực hiện dự án đầu tư và biện pháp giảm thiểu tác động môi trường.
- + Xác định các vấn đề môi trường chính và phạm vi tác động đến môi trường cần lưu ý trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

Một số điểm mới về ĐTM sơ bộ (tiếp)

- Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đồng thời với hồ sơ đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án.
- Nội dung về đánh giá sơ bộ tác động môi trường (khoản 3, Điều 29) là điều khoản duy nhất của Luật có hiệu lực thi hành sớm từ 01/02/2021

Lưu ý về ĐTM sơ bộ

- Các dự án đầu tư thuộc nhóm I của Nghị định 08/2022 NĐ-CP phải thực hiện ĐTM sơ bộ (Đối tượng phải thực hiện ĐTM sơ bộ trong Luật đầu tư, đầu tư công hết hiệu lực từ 01/1/2022)
- Các Dự án đã họp đồng ý thông qua hoặc được phê duyệt ĐTM được miễn ĐTM sơ bộ.

2.3. Đánh giá tác động môi trường

2.3.1. Quy định tiêu chí về môi trường:

Đây là điểm mới căn bản của Luật về ĐTM, điều này nhằm quản lý tốt hơn các Dự án đầu tư nằm trong khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường và là yếu tố quan trọng để xác định Dự án phải thực hiện các thủ tục môi trường gì (Tiêu chí này đã trình bày tại Phần I)

2.3. ĐTM (tiếp):

2.3.2. Vai trò ĐTM:

Đã xác lập lại theo đúng vai trò của ĐTM; việc quản lý dự án, cơ sở khi đi vào vận hành được thay thế bằng công cụ giấy phép môi trường, đăng ký môi trường. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM hết hiệu lực khi Dự án được cấp giấy phép môi trường (Khoản 6 Điều 42 Luật BVMT).

Một số điểm mới về ĐTM

- Quy định rõ thời điểm phải có Quyết định phê duyệt ĐTM và thời hiệu có hiệu lực của Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM (khi triển khai xây dựng và có hiệu lực đến khi dự án được cấp giấy phép môi trường). Việc thanh tra, kiểm tra sau khi được cấp giấy phép môi trường thực hiện theo giấy phép môi trường.
- Thời điểm thẩm định ĐTM chậm hơn trước (trước là giai đoạn tiền khả thi nay là giai đoạn nghiên cứu khả thi) do đó ĐTM khi đã có thông tin các công trình xây dựng cụ thể, rõ ràng.

Một số điểm mới về ĐTM (tiếp)

- Thời hạn chỉnh sửa tối đa 12 tháng, kể từ ngày có văn bản yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Sau thời hạn này, việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động thực hiện như Dự án mới.
- Bỏ quy định lập lại báo cáo ĐTM mà lập ĐTM mới. Quy định rõ đối tượng thay đổi phải lập mới, báo cáo cơ quan cấp phép hoặc tự làm, tự chịu trách nhiệm (Khoản 4 Điều 37 Luật BVMT)

Một số điểm mới về ĐTM (tiếp)

- Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định trong quá trình chuẩn bị, triển khai trước khi vận hành, chủ dự án đầu tư phải thực hiện đánh giá tác động môi trường khi:

+ *Tăng quy mô, công suất của dự án tới mức phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;*

+ *Thay đổi công nghệ sản xuất làm phát sinh chất thải vượt quá khả năng xử lý chất thải của các công trình bảo vệ môi trường so với phương án trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định;*

Một số điểm mới về ĐTM (tiếp)

- + *Thay đổi công nghệ xử lý chất thải của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường;*
- + *Thay đổi địa điểm thực hiện dự án, trừ trường hợp trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có địa điểm thực hiện dự án thay đổi phù hợp với quy hoạch phân khu chức năng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;*
- + *Thay đổi vị trí xả trực tiếp nước thải sau xử lý vào nguồn nước có yêu cầu cao hơn về quy chuẩn xả thải hoặc thay đổi nguồn tiếp nhận làm gia tăng ô nhiễm, sạt lở, sụt lún”.*

2.3.3. Tham vấn:

Hình thức tham vấn rộng rãi hơn:

- Phải đăng nội dung tham vấn trên trang thông tin điện tử của cơ quan phê duyệt trước thẩm định và công khai quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (*thực hiện trong thời hạn 15 ngày; hết thời hạn tham vấn, đơn vị quản lý trang thông tin điện tử có trách nhiệm gửi kết quả tham vấn cho chủ dự án để giải trình*).

Tham vấn (tiếp)

- Đối với Dự án hạ tầng liên tỉnh sẽ tham vấn bằng đăng thông tin tham vấn trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thẩm định và tham vấn UBND cấp tỉnh (liên tỉnh) hoặc UBND huyện (liên huyện).
- Dự án thông thường tham vấn bằng các hình thức: Trên Website + họp dân + Tham vấn bằng văn bản (UBND xã, mặt trận + cơ quan quản lý yếu tố nhạy cảm).

Tham vấn (tiếp)

Cụ thể nội dung tham vấn gồm:

- Vị trí thực hiện dự án đầu tư;
- Tác động môi trường của dự án đầu tư;
- Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;
- Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;
- Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Quy định cụ thể đối tượng tham vấn (Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP):

Cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi tác động môi trường do các hoạt động của dự án gây ra, bao gồm: cộng đồng, cá nhân sinh sống, sản xuất tại khu vực đất, mặt nước, đất có mặt nước, khu vực biển bị chiếm dụng; cộng đồng, cá nhân nằm trong phạm vi tác động trực tiếp của nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, chất thải rắn, CTNH do dự án gây ra; cộng đồng dân cư, cá nhân bị ảnh hưởng do các hiện tượng sụt lún, sạt lở, bồi lắng bờ sông, bờ biển gây ra bởi dự án; cộng đồng dân cư, cá nhân bị tác động khác, được xác định thông qua quá trình đánh giá tác động môi trường.

Đối tượng tham vấn (tiếp)

Cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư, bao gồm: UBND cấp xã, Ủy ban MTTQ cấp xã nơi thực hiện dự án; Ban quản lý, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp nơi dự án nằm trong ranh giới quản lý; cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi đối với dự án có xả nước thải vào công trình thủy lợi hoặc có chiếm dụng công trình thủy lợi; cơ quan quản lý nhà nước được giao quản lý các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có); Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Công an cấp tỉnh đối với các dự án có liên quan đến yếu tố an ninh - quốc phòng (nếu có).

Trách nhiệm tham vấn:

Quy định cụ thể trách nhiệm của chủ dự án đầu tư trong việc thực hiện tham vấn (Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP): đối với 1 số Dự án lớn đặc thù như nhận chìm, xả nước thải lớn, hạ tầng đi qua nhiều địa phương; chịu trách nhiệm giải trình và về nội dung tham vấn.

Một số điểm mới khác

- Thẩm quyền thẩm định ĐTM có thay đổi: Chỉ có Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và UBND cấp tỉnh.
- Thay thế việc phê duyệt báo cáo ĐTM bằng việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.
- Nội dung chi tiết của báo cáo ĐTM được quy định cụ thể tại Mẫu số 04 Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT./.

Trân trọng cảm ơn!

